TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HS-ST
Ngày: 18/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Khỏe, bà Nguyễn Thị Bích Nga.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Hồng Quỳnh- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2023, tại điểm cầu trung tâm là phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương và điểm cầu thành phần là Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai, theo hình thức trực tuyến đối với vụ án hình sự thụ lý số 58/2023/TLST-HS ngày 05/4/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-HS ngày 05/5/2023, đối với bị cáo:

Bùi Văn N, sinh năm 1989 tại tỉnh Hải Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu và cư trú: Thôn ĐB, xã NH, huyện NS, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Qu, sinh năm 1964 và bà Chu Thị Nh, sinh năm 1965; có vợ là chị Vũ Thị Th, sinh năm 1990 và 02 con; Tiền sự: Chưa;

Tiền án: Bản án số 10/2015/HSST ngày 17/3/2015 Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xử phạt N 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 3.495.000 đồng). N chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/10/2015, nộp án phí ngày 15/9/2015, chưa được xóa án tích.

- Bản án số 75/2015/HSST ngày 16/12/2015 Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xử phạt N 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 52.000đồng). N chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/5/2016, nộp án phí ngày 28/9/2016, chưa được xóa án tích.

- Bản án số 61/2017/HSST ngày 22/6/2017 Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xử phạt N 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 3.495.000 đồng, ngày phạm tội 12/7/2017). N chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/11/2018, nộp án phí ngày 25/01/2018, chưa được xóa án tích.

- Bản án số 126/2020/HS-ST ngày 24/9/2020 Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt N 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 13.100.000 đồng, ngày phạm tội 07/3/2020). N chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/9/2022 (theo GCn số 824/GCN ngày 20/9/2022 của Trại giam Thanh Cầm- Cục

C10), nộp án phí HSST, DSST ngày 07/12/2020, chưa bồi thường dân sự), chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/01/2023 chuyển tạm giam ngày 22/01/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. Có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Ư, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương. (có mặt).

* Bị hại: Chị Vũ Lệ Thương H, sinh năm 1989. Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn QT, xã TS, huyện KM, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ liên hệ: Số x HD, phường CT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* Người làm chứng: Bà Mai Thị Th và ông Nguyễn Xuân Ch (đều vắng mặt).

- Tại điểm cầu trung tâm: Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo.

- Tại điểm cầu thành phần: Bị cáo, ông Nguyễn Quang Dũng- Thư ký TAND thành phố Hải Dương; bà Nguyễn Thị Hải- Kiểm sát viên VKSND thành phố Hải Dương; ông Nguyễn Văn Chính và ông Vũ Khắc Kiên- Cảnh sát bảo vệ Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn N đã có 4 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xoá án tích.

Sáng ngày 19/01/2023, N đi bộ lang thang mục đích xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Đến khoảng 09 giờ 15 phút cùng ngày, khi đến dãy trọ của bà Mai Thị Th, sinh năm 1960, ở địa chỉ Số x HD, phường CT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương, thấy cổng của dãy trọ không khoá, N đi đến phòng trọ ở cuối dãy của chị Vũ Lệ Thương H, sinh năm 1989, ở thôn QT, xã TS, huyện KM, tỉnh Hải Dương thì thấy cửa chỉ cài then ngoài, không khoá nên N mở cửa đi vào và khép cửa phòng lại. Lúc này, chị H đang đi chợ. N đi đến khu vực tủ đựng đồ cạnh đầu giường ngủ thấy có một hộp đồ, N mở hộp ra thì thấy bên trong có một số trang sức gồm: 02 sợi dây chuyền, 01 vòng đeo tay, 03 nhẫn, 01 mặt dây chuyền hình tròn đều bằng kim loại màu trắng bạc và 01 dây chuyền, 02 mặt dây chuyền đều bằng kim loại màu vàng. N lấy những trang sức này ra khỏi hộp cầm ra cửa phòng rồi để số trang sức này lên trên mặt hộp cát tông ở cạnh cửa phòng, sau đó tiếp tục tìm kiếm những tài sản có giá trị khác để trộm cắp. Lúc này, chị H về phát hiện thấy N đang trộm cắp tài sản đã hô hoán người dân và báo lực lượng Công an phường Cẩm Thượng bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 dây chuyền bạc khối lượng 0,65 chỉ; 01 sợi dây chuyền bằng bạc khối lượng 1,09 chỉ; 01 vòng đeo tay bạc tổng khối lượng 1,35 chỉ; 01 nhẫn bạc khối lượng 2,2 chỉ; 01 nhẫn bạc khối lượng 1,95 chỉ; 01 nhẫn bạc khối lượng 1,54 chỉ; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu trắng bạc khối lượng 0,85 chỉ; 01 mặt dây chuyền khối lượng 2,17 chỉ; 01 dây chuyền khối lượng 2,46g; 01 mặt dây chuyền hình chữ nhật khối lượng 6,47g.

Tại Kết luận giám định số 728/KL-KTHS ngày 14/02/2023 của Viện khoa học hình sự- Bộ Công an kết luận:

- 01 (một) dây chuyền kim loại màu trắng bạc, chế tác dạng các mắt xích nhỏ xoắn nối với nhau (ký hiệu 01) gửi giám định có khối lượng 4,10 gam là hợp kim của

đồng, kẽm, hàm lượng trung bình đồng: 83,31%; kẽm: 16,69%. Dây chuyền có màu trắng do được mạ bạc.

- 01 (một) dây chuyền kim loại màu trắng bạc, chế tác dạng các mắt xích nối với nhau (ký hiệu 02) gửi giám định có khối lượng 5,08 gam là hợp kim của bạc, đồng, kẽm; hàm lượng trung bình bạc: 87,91%; đồng: 9,20%; kẽm: 2,89%.

- 01 (một) vòng đeo tay kim loại màu trắng bạc, chế tác dạng các mắt xích tròn có gắn viên vật liệu màu xanh nối cách đều với các mắt xích hình trái tim (ký hiệu 03) gửi giám định có tổng khối lượng 5,51 gam (tính cả các viên vật liệu). Phần kim loại là hợp kim của bạc, đồng, kẽm; hàm lượng trung bình bạc: 92,37%; đồng: 5,79%; kẽm: 1,84%.

- 01 (một) nhẫn kim loại màu trắng bạc, mặt nhẫn có gắn 01 (một) viên vật liệu không màu, hai bên cạnh nhẫn có gắn các viên vật liệu không màu (ký hiệu 04) gửi giám định có tổng khối lượng 5,84 gam (tính cả các viên vật liệu). Phần kim loại là hợp kim của bạc, đồng, kẽm; hàm lượng trung bình bạc: 92,59%; đồng: 5,32%; kẽm: 2,09%.

- 01 (một) nhẫn kim loại màu trắng bạc, mặt nhẫn có gắn 01 (một) viên vật liệu to không màu, xung quanh có gắn các viên vật liệu nhỏ không màu (ký hiệu 05) gửi giám định có tổng khối lượng 7,33 gam (tính cả các viên vật liệu). Phần kim loại là hợp kim của bạc, đồng, kẽm; hàm lượng bạc: 91,54%; đồng: 6,33%; kẽm: 2,13%.

- 01 (một) nhẫn kim loại màu trắng bạc, mặt nhẫn hình bông hoa có gắn 01 viên vật liệu to không màu, xung quanh nhẫn có gắn các viên vật liệu nhỏ không màu (ký hiệu 06) gửi giám định có tổng khối lượng 8,27 gam (tính cả các viên vật liệu). Phần kim loại là hợp kim của bạc, đồng, kẽm; hàm lượng trung bình bạc: 81,62%; đồng: 11,41%; kẽm: 6,97%.

- 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, chế tác dạng các mắt xích hình tròn trơn nối với nhau (ký hiệu 07) gửi giám định có khối lượng 2,46 gam là hợp kim của đồng, kẽm; hàm lượng trung bình đồng: 67,52%; kẽm: 32,48%. Dây chuyền có màu vàng do được mạ vàng kim loại.

- 01 (một) mặt dây chuyền hình tròn bằng kim loại màu vàng có móc treo, mặt trước có hình mặt người nổi và xung quanh có gắn các viên vật liệu không màu (ký hiệu 08) gửi giám định có khối lượng 8,15 gam (tính cả các viên vật liệu). Phần kim loại là hợp kim của bạc, đồng, kẽm; hàm lượng trung bình bạc: 89,57%, đồng: 7,02%; kém: 3,41%. Mặt dây chuyền có màu vàng do được mạ vàng kim loại.

- 01 (một) mặt dây chuyền hình tròn bằng kim loại màu trắng bạc, có móc treo, mặt trước có hình chữ L và trên chữ L và hình tròn có gắn các viên vật liệu không màu (ký hiệu 09) gửi giám định có khối lượng 3,21 gam (tính cả các viên vật liệu) là hợp kim của bạc, đồng, kẽm; hàm lượng trung bình bạc: 85,99%; đồng: 8,38%; kẽm: 5,63%.

- 01 (một) mặt dây chuyền hình chữ nhật nối với 01 (một) hình cầu gắn móc treo đều bằng kim loại màu vàng, mặt sau mặt dây chuyền có gắn 01 (một) viên vật liệu màu đỏ và 01 (một) viên vật liệu màu nâu nhạt (ký hiệu 10) gửi giám định có tổng khối lượng 6,47 gam (tính cả các viên vật liệu) trong đó:

+ Phần mặt dây chuyền hình chữ nhật là hợp kim của sắt, crom, niken; hàm lượng của sắt: 73,80%; crom: 17,36%; niken: 8,84%.

+ Phần hình cầu gắn móc treo là hợp kim của đồng, kẽm; hàm lượng trung bình đồng: 61,73; kẽm: 38,27%.

+ Mẫu có màu vàng do được mạ vàng kim loại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 17/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Dương kết luận:

+ 01 dây chuyền bạc, chế tác dạng các mắt xích nhỏ xoắn nối với nhau, có khối lượng 0,65 chỉ, được mua mới từ tháng 9/2022, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 19/01/2023 có giá trị là 150.000 đồng;

+ 01 sợi dây chuyền bạc, chế tác dạng các mắt xích nối với nhau có khối lượng 1,09 chỉ, được mua mới từ tháng 9/2022, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 19/01/2023 có giá trị là 150.000 đồng;

+ 01 vòng đeo tay bạc, chế tác dạng các mắt xích tròn có gắn viên vật liệu màu xanh nối cách đều với các mắt xích hình trái tim, có tổng khối lượng 1,35 chỉ, được mua mới từ tháng 9/2022, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 19/01/2023 có giá trị là 170.000 đồng;

+ 01 nhẫn bạc, mặt nhẫn có gắn 01 viên vật liệu không màu, hai bên cạnh nhẫn có gắn các viên vật liệu không màu, có tổng khối lượng 2,2 chỉ, được mua mới từ tháng 9/2022, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 19/01/2023 có giá trị là 200.000 đồng;

+ 01 nhẫn bạc, mặt nhẫn có gắn một viên vật liệu to không màu, xung quanh có gắn các viên vật liệu nhỏ không màu, có tổng khối lượng 1,95 chỉ, được mua mới từ tháng 9/2022, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 19/01/2023 có giá trị là 150.000 đồng;

+ 01 nhẫn bạc, mặt nhẫn hình bông hoa có gắn 01 viên vật liệu to không màu, xung quanh nhẫn có gắn các viên vật liệu nhỏ không màu, có tổng khối lượng 1,54 chỉ, được mua mới từ tháng 9/2022, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 19/01/2023 có giá trị là 200.000 đồng;

+ 01 mặt dây chuyền hình tròn bằng kim loại màu trắng bạc, có móc treo, mặt trước có hình chữ L và trên chữ L và hình tròn có gắn các viên vật liệu không màu, có tổng khối lượng 0,85 chỉ, được mua mới từ tháng 9/2022, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 19/01/2023 có giá trị là 150.000 đồng;

+ 01 mặt dây chuyền có móc treo, mặt trước có hình mặt người nổi và xung quanh có gắn các viên vật liệu không màu, có khối lượng 2,17 chỉ, được mua mới từ tháng 9/2022, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 19/01/2023 có giá trị là 120.000đồng;

+ 01 dây chuyền chế tác dạng các mắt xích hình tròn trơn nối với nhau, có khối lượng 2,46gam, được mua mới từ tháng 9/2022, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 19/01/2023 có giá trị là 100.000đ x 80%= 80.000 đồng;

+ 01 mặt dây chuyền hình chữ nhật nối với một hình cầu gắn móc treo đều bằng kim loại màu vàng, mặt sau mặt dây chuyền có gắn 01 viên vật liệu không màu và 01 viên vật liệu màu nâu nhạt, có tổng khối lượng 6,47gam, được mua mới từ tháng 9/2022, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 19/01/2023 có giá trị là 100.000đ x80%= 80.000 đồng.

Tổng giá trị là 1.450.000 đồng.

Cáo trạng số 61/CT-VKSTPHD ngày 04/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) thành phố Hải Dương truy tố Bùi Văn N về tội Trộm cắp tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giữ nguyên nội dung truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản". Về hình phạt chính: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn N từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 19/01/2023); Về hình phạt bổ sung: Không; Về xử lý vật chứng: Không; Về trách nhiệm dân sự: Không; Về án phí: căn cứ Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Văn N.

Người bào chữa cho bị cáo xác định hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị điều tra, truy tố và đưa ra xét xử ngày hôm nay là đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo là người thuộc hộ cận nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù, tạo điều kiện, động lực để bị cáo cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình. Về án phí đề nghị miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, xác định nội dung bản cáo trạng truy tố, bản luận tội của VKSND thành phố Hải Dương đối với bị cáo là đúng và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định là hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người làm chứng. Xét thấy, trong quá trình điều tra, bị hại, người làm chứng đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án, bị hại có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Việc bị hại và người làm chứng vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 BLTTHS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, cơ quan truy tố, phù hợp với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh, lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 9 giờ 15 phút ngày

19/01/2023, tại phòng trọ của chị Vũ Lệ Thương H ở địa chỉ số x HD, phường CT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương, Bùi Văn N lợi dụng sơ hở chị Vũ Lệ Thương H đi vắng, không khoá cửa phòng trọ, đã lén lút chiếm đoạt của chị H: 02 sợi dây chuyền, 01 vòng đeo tay, 03 nhẫn, 01 mặt dây chuyền đều bằng kim loại màu trắng bạc và 01 dây chuyền, 02 mặt dây chuyền đều bằng kim loại màu vàng, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.450.000đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do bị cáo đã bị kết án, có 4 tiền án đều về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý (cố ý trực tiếp), tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.450.000đồng dưới mức khởi điểm (2.000.000đồng) do đó hành vi phạm tội lần này của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị VKSND thành phố Hải Dương truy tố theo tội danh và điều khoản của Bộ luật Hình sự như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội giữa ban ngày, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục, trừng trị, răn đe; qua đó đảm bảo công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt 1.450.000đồng, quá trình thực hiện hành vi phạm tội thì bị phát hiện nằm ngoài ý thức chủ quan của bị cáo, thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, bản thân đã nhiều lần bị kết án và phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, không tu chí làm ăn, không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân, coi thường trật tự, kỷ cương của nhà nước. Do đó lần phạm tội này cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian thích hợp để Nhà nước giáo dục bị cáo qua đó đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về vật chứng, trách nhiệm dân sự:

- Đối với các tài sản gồm 02 sợi dây chuyền, 01 vòng đeo tay, 03 nhẫn, 01 mặt dây chuyền hình tròn đều bằng kim loại màu trắng bạc và 01 dây chuyền, 02 mặt dây chuyền đều bằng kim loại màu vàng là tài sản thuộc sở hữu của chị Vũ Lệ Thương H. Trong giai đoạn điều tra, cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương đã trả lại cho chị H là phù hợp. Chị H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Đây là sự tự nguyện

của chị H, HĐXX chấp nhận. Do đó, HĐXX không xem xét, giải quyết về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, bị cáo và người bào chữa đều đề nghị được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, HĐXX miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự; các điều 135, 136, 292, 293, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn N 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 19/01/2023).

2. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Văn N.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/5/2023); Bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an TP Hải Dương;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an TP Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an TP Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trịnh Thị Ngọc Mai